

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực viễn thông và Internet, sở hữu trí tuệ, hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2074/QĐ-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2080/QĐ-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-BKHCN ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2216/TTr-SKHCN ngày 17 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực viễn thông và Internet, sở hữu trí tuệ, hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính tại thứ tự số 7, 8, 30, 31 Mục I; thủ tục hành chính tại thứ tự số 1 đến số 15, số 17 đến số 22 Mục VIII Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang.

2. Bãi bỏ thủ tục hành chính tại thứ tự số 2, 5, 12, 13, 14, 21, 22, 23, 24, 25, 27 Mục I; thủ tục hành chính tại thứ tự số 17, 18, 19, 20 Mục VI; thủ tục hành

chính tại thứ tự số 16 Mục VIII Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện công khai thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này và cung cấp, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Viễn thông An Giang;
- Lưu: VT, pmtrang.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phong

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET, SỞ HỮU TRÍ TUỆ, HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH AN GIANG

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (09 thủ tục)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (08)					
1	1.014987	Thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù	Trường hợp 1: Không cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế. - 03 ngày làm việc để kiểm tra hồ sơ và thông báo kết quả tiếp nhận - 05 ngày làm việc để tổ chức, cá nhân có văn bản đồng ý hoặc không đồng ý đối với dự toán kinh phí. - 15 ngày làm việc để thành lập Hội đồng; - 15 ngày làm việc để tổ chức họp Hội đồng; - 05 ngày làm việc để	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Luật số 115/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
			ban hành thông báo kết quả Trường hợp 2: Cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế - 03 ngày làm việc để kiểm tra hồ sơ và thông báo kết quả tiếp nhận hồ sơ; - 05 ngày làm việc để tổ chức, cá nhân có văn bản đồng ý hoặc không đồng ý đối với dự toán kinh phí. - 15 ngày làm việc để thành lập Hội đồng; - 15 ngày làm việc để tổ chức họp Hội đồng; - 10 ngày làm việc gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân yêu cầu giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế; - 15 ngày làm việc để tổ chức, cá nhân giải trình, làm rõ			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	1.014986	Đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo	- 03 ngày làm việc: Thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ (trường hợp sửa đổi, bổ sung); - 15 ngày làm việc: thành lập Hội đồng đánh giá, thẩm định - 15 ngày làm việc: tổ chức họp Hội đồng - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản họp của Hội đồng: ban hành thông báo kết quả	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2026/TT-BKHHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
3	1.014988	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.	10 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
4	1.014989	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	10 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ	Không	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 3

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.		năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
5	1.014990	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	5 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKH&CN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ KH&CN
6	1.014991	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	10 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKH&CN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ KH&CN
7	1.014992	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	10 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKH&CN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ KH&CN

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
8	1.014993	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	5 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ KH&CN.
II	LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (01)					
1	1.012135	Giải quyết khiếu nại liên quan đến sở hữu công nghiệp	- 10 ngày để ra thông báo thụ lý hoặc không thụ lý hồ sơ kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; - 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người có quyền, lợi ích liên quan trực tiếp có ý kiến; - 30 ngày kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn này là 45 ngày (đối với khiếu nại lần thứ nhất); - 45 ngày kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn này là 60 ngày (đối với khiếu nại lần thứ hai)	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022; Luật số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025; Luật số 131/2025/QH15 10/12/2025; - Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
						CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ - Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ KH&CN

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (25 thủ tục)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (21)					
1	1.011937	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	30 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. .	Phí thẩm định: 250.000 đồng.	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2020/TT-

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
						BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ
2	1.011938	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Phí thẩm định: 250.000 đồng.	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ
3	1.011939	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	30 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	1.013916	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	16 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Phí thẩm định: 250.000 đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn). - Lệ phí cấp Chứng chỉ: 100.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 200.000 đồng/đơn).	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ - Thông tư số 64/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính.
5	1.013919	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	16 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung	- Phí thẩm định: 250.000 đ - Lệ phí công bố Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000đ (Kể từ ngày 01 tháng 01	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
				tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000đồng/đơn). - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000đồng/đơn). - Lệ phí cấp Chứng chỉ: 100.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 200.000 đồng/đơn)	93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ
6	1.013922	Thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	- 30 ngày (Trong trường hợp có quyết định thu hồi	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ;	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Chúng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc trong trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chúng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện hành nghề); - 60 ngày (Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chúng chỉ hành nghề	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.		số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
			dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp).			
7	1.013924	Ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	16 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Phí thẩm định: 250.000đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn).	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài Chính
8	1.013925	Ghi nhận Người đại diện sở hữu công nghiệp.	14 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
				tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.		- Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài Chính
9	1.013928	Ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	16 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Phí thẩm: 250.000đ; - Lệ phí công bố Quyết định: 75.000đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn); - Lệ phí đăng bạ Quyết định: 75.000đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn:	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài Chính

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
					150.000 đồng/đơn).	
10	1.013942	Xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	16 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Lệ phí công bố Quyết định xóa tên: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn); - Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn); - Phí thẩm định: 250.000đ.	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài Chính
11	1.013954	Xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp.	16 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung	- Lệ phí công bố Quyết định xóa tên: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
				tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn); - Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn); - Phí thẩm định: 250.000đ.	93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài Chính
12	1.013955	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	13 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Phí phúc tra kiểm tra kết quả nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 150.000 đ - Phí thẩm định: 300.000đ.	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài Chính
13	1.013956	Cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp.	8 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Phí thẩm định: 250.000đ.	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài Chính.
14	1.013958	Cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp.	16 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung	Phí thẩm định: 250.000đ.	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
				tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.		93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài Chính
15	1.013959	Thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp.	16 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.
16	1.013966	Cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở	30 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ	- Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
		hữu công nghiệp, cấp lại phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.		Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính
17	1.013968	Đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	60 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Phí thẩm định hồ sơ: 230.000 đồng/văn bản; - Lệ phí cấp GCN ĐKHD: 60.000đ(Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 120.000đ/đơn; Trường hợp thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VneID thì được miễn lệ phí cấp GCN ĐKHD từ ngày 01/4/2026 đến 31/12/2026.	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 64/2025/TT-

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng; - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu.	BTC của Bộ Tài chính; - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ Tài chính
18	1.013970	Ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	30 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Buu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Phí thẩm định hồ sơ: 160.000 đồng/văn bằng - Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính
19	1.013972	Cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử	30 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn;	- Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
		dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.		- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính
20	1.013973	Ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế.	30 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
21	1.013974	Yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc.	30 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.
II LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (04)						
1	1.013918	Chấp thuận chuyển giao công nghệ	30 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Mức thu phí thẩm định đối với xem xét, chấp thuận chuyển giao công nghệ là 10 (mười) triệu đồng	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10/12/2025; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/ 2026 của Bộ trưởng Bộ KH&CN
2	1.013927	Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ	15 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Mức thu phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ để cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10/12/2025; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
3	2.002248	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc	5 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
		thẩm quyền của Bộ KH&CN		tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
4	2.002249	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	5 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10/12/2025; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
					nhưng tối đa không quá 5 triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 triệu đồng	- Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (16 thủ tục)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET (04)		
1	1.013913	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/04/2026 của Chính phủ
2	1.013914	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/04/2026 của Chính phủ
3	1.013917	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/04/2026 của Chính phủ
4	1.013915	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/04/2026 của Chính phủ
II	LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (01)		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	1.013963	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ
III	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (11)		
1	1.013931	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ
2	1.013933	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ
3	1.013936	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ
4	1.013939	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ
5	1.013940	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ
6	1.013943	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ
7	2.001137	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
8	1.011816	Hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm chủ lực	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ
9	1.011815	Mua sáng chế, sáng kiến	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ
10	1.011814	Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ
11	1.011812	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ